

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: ~~4179~~/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày ~~12~~ tháng 12 năm 2022

SỞ NỘI VỤ TỈNH BÌNH ĐỊNH

ĐẾN Số: 14431
Ngày: 28/12/22
Chuyển:
Số và Ký hiệu HS:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 2560/QĐ-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Bộ
Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII, kỳ họp thứ 9 về việc giao dự toán ngân sách nhà
nước năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo các phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách năm 2023 được giao, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

1. Tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương trong năm 2023 theo quy định từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2022 còn dư chuyển sang (nếu có). Đồng thời, dành 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương so với dự toán năm 2022 để tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2023 theo quy định.

2. Thực hiện giao dự toán thu, chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Quyết định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, K1, K3, K17.

Trần Văn Tuấn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Anh Tuấn

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Định)



ĐƠN VỊ: SỞ NỘI VỤ BÌNH ĐỊNH

DVT: Triệu đồng

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC															
Số TT	Nội dung	Tổng dự toán			Ngân sách quốc gia			Dự toán còn lại giao cho đơn vị được sử dụng (3)					Số thu được để lại theo chế độ quy định để thực hiện nhiệm vụ năm 2023		
		Tổng số	Ngân sách		Nguồn thu, lệ phí	Tổng số	Tiết kiệm thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	Tiết kiệm thêm bình quân 10% chi thường xuyên NSNN so với dự toán năm 2022 của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước	Số phí, lệ phí nộp NSNN	Tổng số	Ngân sách			Số phí đơn vị được sử dụng	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ							Kinh phí tự thực hiện chi tiền lương (1) và hoạt động thường xuyên	Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị đối với kinh phí tự chủ (2)			Kinh phí không tự chủ
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+...+13	10	11	12	13	14
	TỔNG DỰ TOÁN THU, CHI NSNN	30.313	11.625	18.678	10	1.796	936	859	1	28.517	11.153	266	17.089	9	27
A	SỐ THU, CHI: LỆ PHÍ, PHÍ	10			10	1			1	2				2	
1	Phí sử dụng tài liệu lưu trữ	10			10										
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại									9				9	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên														
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN					1			1						
	Phí sử dụng tài liệu lưu trữ					1			1						
B	CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	30.303	11.625	18.678	10	1.795	936	859		28.508	11.153	266	17.089		27
I	CHI HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	22.768	9.977	12.791		968	401	567		21.800	9.543	228	12.029		
1	Quản lý Nhà nước	9.977	9.977			206		206		9.771	9.543	228			
2	Chi nghiệp vụ	3.138		3.138		597	314	283		2.541			2.541		
3	Kinh phí mua sắm, sửa chữa	1.570		1.570		165	87	78		1.405			1.405		
4	Quy thi đua khen thưởng	8.000		8.000						8.000			8.000		
5	Hỗ trợ kinh phí hoạt động đảng bộ cơ sở	59		59						59			59		
6	Trang phục thanh tra	24		24						24			24		
II	CHI SỰ NGHIỆP	7.535	1.648	5.887		827	535	292		6.708	1.610	38	5.060		27
I	Chi sự nghiệp kinh tế	4.164	1.648	2.516		210	210			3.954	1.610	38	2.306		27
	Chi thường xuyên bộ máy đơn vị sự nghiệp	1.648	1.648							1.648	1.610	38			
	Chi nghiệp vụ thường xuyên đơn vị sự nghiệp	2.370		2.370		195	195			2.175			2.175		27
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa	146		146		15	15			131			131		

Số TT	Nội dung	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC													Số thu được để lại theo chế độ quy định để thực hiện nhiệm vụ làm lương năm 2023
		Tổng dự toán		Ngân sách quản lý				Dự toán còn lại giao cho đơn vị được sử dụng (3)							
				Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	Tiết kiệm 10% bình quân 10% chi thường xuyên NSNN so với dự toán năm 2022 của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước	Số phí, lệ phí nộp NSNN	Tổng số	Ngân sách							
		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ					Nguồn thu phí, lệ phí	Tổng số	Kinh phí tự chủ thực hiện chi tiền lương (1) và hoạt động thường xuyên	Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị đối với kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ	Số phí đơn vị được sử dụng		
														Tổng số	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+...+13	10	11	12	13	14
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.371		3.371		617	325	292		2.754			2.754		
	Kinh phí bồi dưỡng cán bộ, công chức	3.246		3.246		617	325	292		2.629			2.629		
	Trợ cấp đối với cán bộ, công chức được cử đi đào tạo	125		125						125			125		

Ghi chú:

(1) Ngân sách cấp kinh phí hoạt động tự chủ năm 2023 (sau khi đã sử dụng nguồn tiền lương tại đơn vị để chi trả lương cho số biên chế được UBND tỉnh giao);

(2) Tiết kiệm 10% kinh phí tự chủ để lại tại đơn vị tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2023;

(3) Giao các đơn vị dự toán cấp I căn cứ vào dự toán ngân sách được giao thống nhất với Sở Tài chính lập báo cáo thuyết minh để phục vụ công tác kiểm tra phân bổ giao dự toán theo quy định.

Riêng đối với khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), các đơn vị dự toán trực thuộc phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi đơn vị dự toán cấp I để tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.